

Đà phục hồi dần mạnh mẽ

- Xuất nhập khẩu tăng trưởng ấn tượng vào cuối năm, song chưa thể lạc quan về triển vọng sản xuất khi chỉ số PMI vẫn ở dưới ngưỡng 50 điểm.
- Tỷ giá USD/VND tiếp tục tạo đỉnh mới tại thị trường tự do trong khi USD thế giới đang có xu hướng tăng trở lại.
- GDP Q4 tăng 6.7% svck, trung bình cả năm GDP tăng 5.0%.

Hoạt động NXK khả quan, nhiều ngành sản xuất trọng điểm tăng cao

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 12 tăng 0.1% so với tháng trước và tăng 5.8% svck các doanh nghiệp sản xuất nỗ lực chuẩn bị hàng hóa phục vụ tiêu dùng dịp cuối năm. Tuy nhiên chỉ số PMI cải thiện lên 48.9 từ mức 47.3 của tháng trước tốc độ giảm của số lượng đơn đặt hàng mới đã chậm lại so với tháng 11 khi số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới gần như ổn định. Xuất khẩu tháng 12 tăng 13.1% svck, mức tăng trưởng cao nhất kể từ đầu năm. Hoạt động nhập khẩu tăng 12.3% svck, cho thấy dấu hiệu tăng trở lại của sản xuất.

Lạm phát tăng nhẹ trong tháng, trung bình cả năm đạt mục tiêu đề ra

CPI tháng 12/2023 tăng 3.5% svck và bình quân cả năm tăng 3.2% svck duy trì dưới mức mục tiêu 4.5% của chính phủ. Chúng tôi dự kiến CPI bình quân 2024 sẽ dao động ở mức 3.5% - 3.6%, khi vẫn chịu áp lực bởi các yếu tố như giá nguyên vật liệu xây dựng và giá gạo xuất khẩu vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, giá điện tăng hai lần trong năm 2023 tác động lên các giá các mặt hàng và dịch vụ liên đới và giá dầu vẫn chịu tác động bởi những biến động trên thế giới.

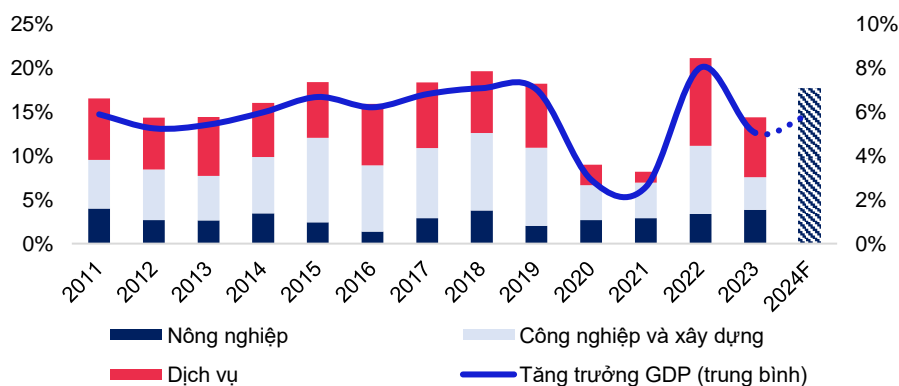
Tiêu dùng vẫn trên đà tăng trưởng, du lịch phục hồi ngoài mong đợi

Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 12 tăng 9.3% so với cùng kỳ và 2.6% so với tháng trước. Du lịch phục hồi mạnh mẽ khi tính chung năm 2023, khách quốc tế đến nước ta đạt 12,6 triệu lượt người, gấp 3,4 lần năm 2022, vượt xa mục tiêu 8 triệu khách quốc tế của năm 2023.

Chúng tôi dự báo tăng trưởng GDP năm 2024 trong khoảng 5.9%-6.1%

GDP quý IV/2023 duy trì xu hướng đi lên từ đầu năm với mức tăng 6.7% svck và trung bình cả năm 2023 đạt mức 5.05%, cách khá xa so với mục tiêu 6.5% của chính phủ đề ra. Chúng tôi dự báo tăng trưởng GDP năm 2024 tăng trong khoảng 5.9%-6.1% thúc đẩy bởi sự phục hồi từ khu vực sản xuất phục vụ cho xuất khẩu.

Hình 1: Tăng trưởng GDP theo nhóm ngành hàng năm (%svck)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Giám đốc Khôi Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Hien.tranthikhanh@mbs.com.vn

Chuyên viên phân tích

Lê Minh Anh

Anh.leminh@mbs.com.vn

Đà phục hồi dần mạnh mẽ

GDP quý IV/2023 duy trì xu hướng đi lên từ đầu năm với mức tăng 6.7% svck

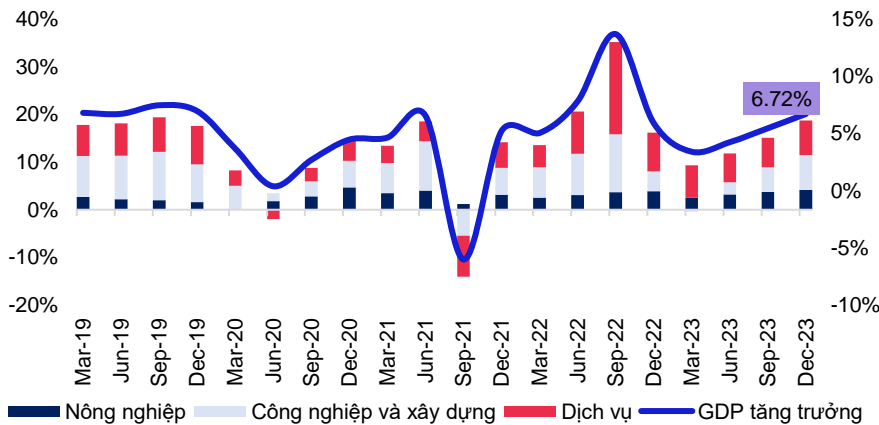
Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2023 ước tính tăng 6.7% so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 3.4%, quý II tăng 4.2%, quý III tăng 5.4%).

Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng có sự phục hồi khá tốt trong quý 3 với mức tăng 7.3%, đóng góp 42.5%; trong đó, đóng góp đáng kể cho sự tăng trưởng là hoạt động sản xuất và phân phối điện tăng gần 8% và xây dựng tăng 9% trong quý 4. Khu vực dịch vụ tăng 7.2%, đóng góp 49.9%. Trong đó các lĩnh vực chủ chốt có sự tăng trưởng ổn định như bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác (+9.8% svck), vận tải, kho bãi (+10% svck) và dịch vụ lưu trú ăn uống (+9% svck). Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4.1%, đóng góp 7.5% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Mức tăng này có sự đóng góp từ xuất khẩu tăng mạnh của một số mặt hàng như rau quả, hạt điều và gạo.

GDP năm 2023 ước tính tăng 5.05% so với năm trước, cách khá xa so với mục tiêu 6.5% từ đầu năm, và cũng là mức tăng trưởng thấp so với mức tăng 8.0% của năm 2022.

Chúng tôi dự báo GDP năm 2024 đạt mức 5.9% - 6.1% trên cơ sở nền thấp cùng kỳ năm ngoái, song thấp hơn một chút so với mục tiêu của Chính phủ cũng như hoạt động sản xuất sẽ cải thiện nhờ phần nào xuất khẩu cải thiện do nhu cầu tích trữ hàng tồn kho của Mỹ và các nước Châu Âu tăng trở lại từ mức thấp.

Hình 2: Tăng trưởng GDP theo nhóm ngành hàng quý (%svck)



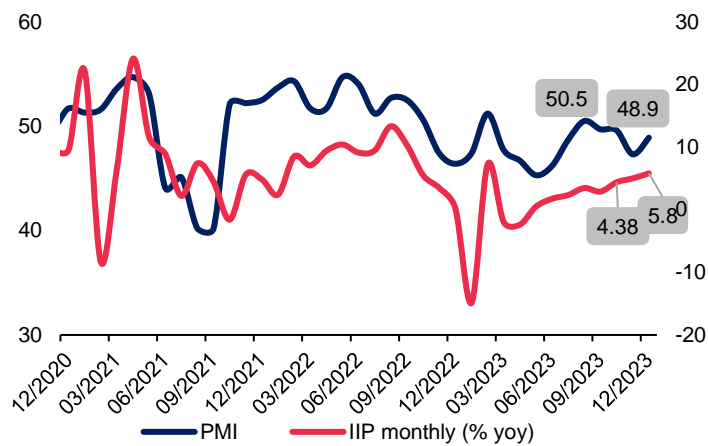
Tăng trưởng sản xuất công nghiệp trong tháng cao nhất kể từ đầu năm

Ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp trong tháng tăng 0.1% so với tháng trước (+5.8% svck), duy trì đà tăng trưởng liên tục kể từ tháng 5. Các ngành ghi nhận hoạt động sản xuất tăng trưởng mạnh trong tháng bao gồm: sản xuất kim loại (+47.4% svck), hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu (+26% svck), sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu (+25.5% svck). Tính chung cả năm 2023, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 1.4% so

với cùng kỳ năm trước. Trong đó, duy nhất ngành khai khoáng tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng âm với mức giảm 3.9%.

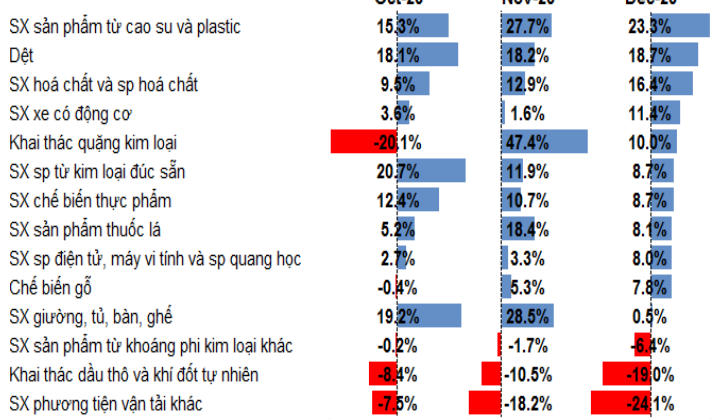
Chỉ số PMI đã có sự cải thiện lên mức 48.9 điểm trong tháng 12, từ mức 47.3 của tháng 11 tuy nhiên vẫn nằm dưới ngưỡng 50 kể từ tháng 8/23. Nguyên nhân chỉ số PMI không mấy khả quan do nhu cầu yếu tiếp tục góp phần làm giảm số lượng đơn đặt hàng mới tháng thứ hai liên tiếp, và sản lượng cũng đã giảm tương ứng. Trong khi đó, hoạt động mua hàng và việc làm hầu như không thay đổi. Nhìn chung cả năm 2023, sức khỏe ngành sản xuất của Việt Nam khá là yếu trong hầu hết thời gian của năm, chỉ có sự cải thiện nhẹ trong tháng 2 và tháng 8. Kết quả chỉ số PMI trung bình của năm 2023 ở mức thấp nhất kể từ thời điểm bùng phát đại dịch COVID-19 vào năm 2020.

Hình 3: Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% so với cùng kỳ)



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hình 4: Diễn biến tăng/giảm chỉ số IIP một số ngành công nghiệp trong điểm (% svck)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Xuất khẩu được thúc đẩy mạnh mẽ bởi các mặt hàng công nghiệp

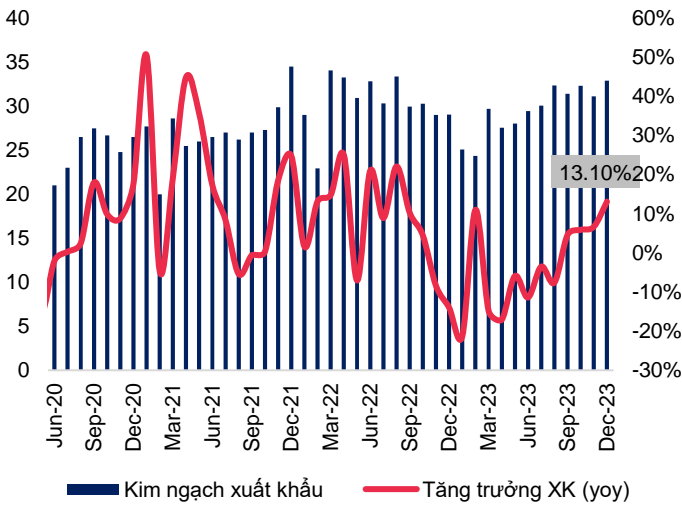
Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 12/2023 ước đạt 32.9 tỷ USD, tăng 5.7% so với tháng trước (+13.1% svck). Xuất khẩu vọt tăng mạnh vào tháng cuối cùng của năm so với cùng kỳ do nhiều mặt hàng công nghiệp và nông nghiệp tăng trưởng ấn tượng như xơ, sợi dệt các loại (+128% svck), máy ảnh, máy quay phim và linh kiện (+78% svck) và gạo (+118% svck). Tính tổng cả năm xuất khẩu ước đạt 355.5 tỷ USD (-4.4% svck). Các mặt hàng xuất khẩu có tăng trưởng âm lớn nhất bao gồm hóa chất (-19.4% svck), thủy sản (-17.5% svck), dầu thô (-16.7% svck). Ngược lại, xuất khẩu vẫn ghi nhận những tăng trưởng ấn tượng bởi các mặt hàng nông nghiệp bao gồm xuất khẩu rau quả (+66% svck), gạo (+39.4% svck), máy ảnh, máy quay phim và linh kiện (+20.6% svck).

Về thị trường xuất khẩu 12 tháng năm 2023, Hoa Kỳ là thị trường lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 96.8 tỷ USD (-11.6% svck), xuất khẩu sang EU ước đạt 44.1 tỷ USD (-5.9% svck); xuất khẩu sang Nhật Bản 23.5 tỷ USD (-3.2% svck)

Từ chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 12/2023 ước đạt 30.6 tỷ USD, tăng 12.3% svck, tăng 13.1% so với tháng trước. Tính chung 12 tháng năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 327.5 tỷ USD, (-8.9% svck). Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 111.6 tỷ USD (-5.9% svck). Trong 12 tháng năm 2023 có 4 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 10 tỷ USD (chiếm 46.8% tổng kim ngạch) là điện tử, máy tính linh kiện

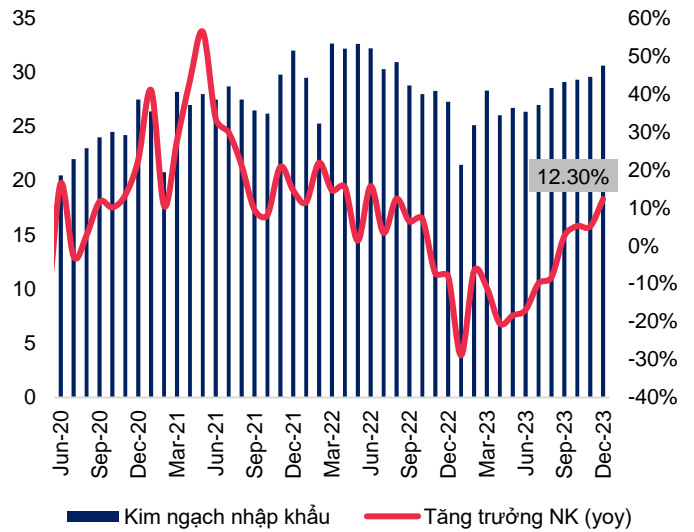
(+7.7% svck), máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (-8.1% svck), vải (-11.1% svck) và sắt thép (-11.6% svck).

Hình 5: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)



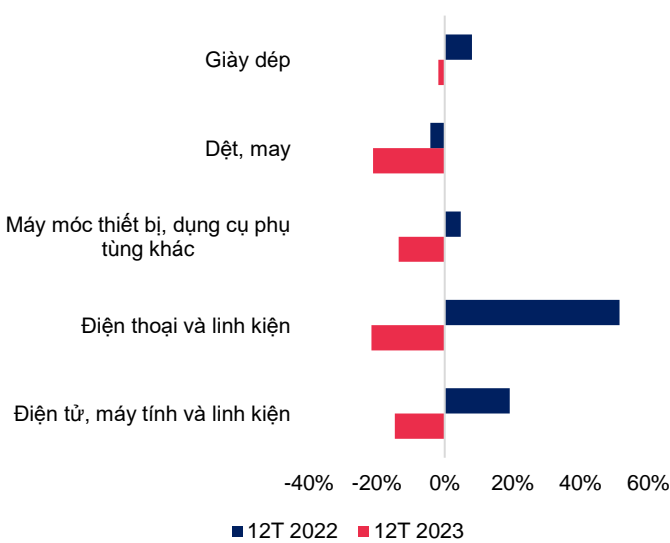
Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 6: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)



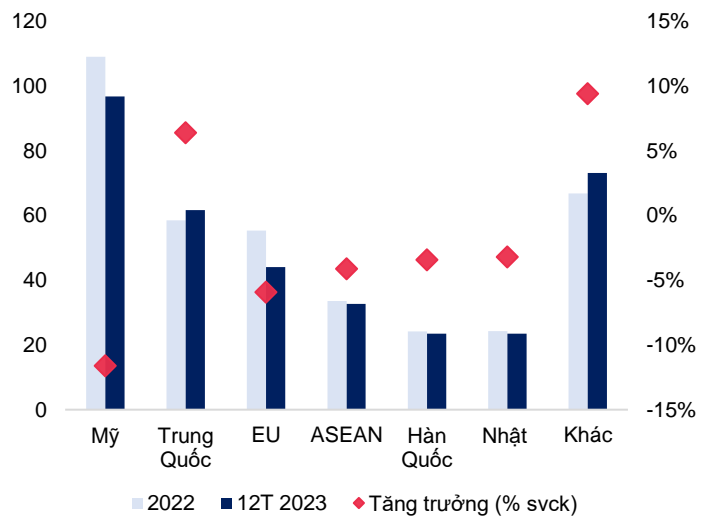
Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 7: Tăng trưởng của các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất lũy kế từ đầu năm (%yoy)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 8: Thị trường xuất khẩu của Việt Nam 12T.2023 (Tỷ USD)



Nguồn: TCTK, MBS Research

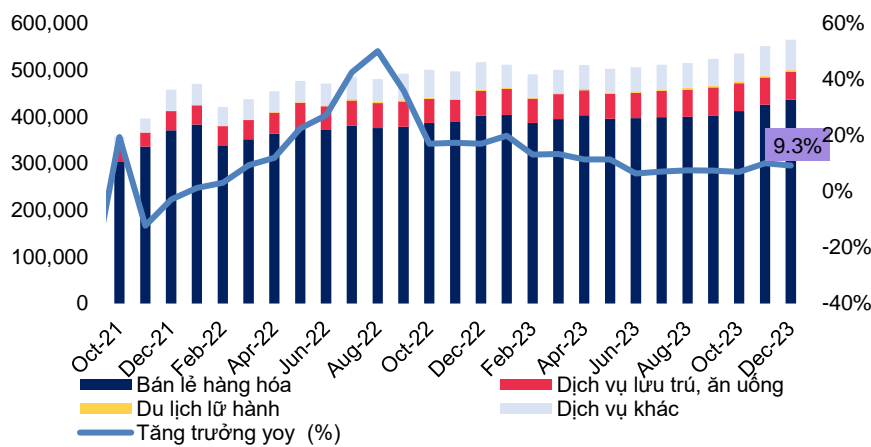
Tiêu dùng vẫn trên đà tăng trưởng, du lịch phục hồi ngoài mong đợi

Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 12 tăng 9.3% so với cùng kỳ và 2.6% so với tháng trước. Tốc độ tăng trưởng của bán lẻ đã tăng tốc trở lại trong hai tháng cuối năm sau khi ghi nhận xu hướng giảm, trong bối cảnh người tiêu dùng nhạy cảm về giá thì hoạt động bán lẻ đã diễn ra sôi động hơn so với mức nền thấp của năm trước.

Tính chung 12 tháng năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính tăng 7.1% so với cùng kỳ (loại trừ yếu tố giá tăng). Khách quốc tế đến nước ta cả năm ước đạt gần 12.6 triệu lượt người, gấp 3.4 lần năm

2022 nhưng vẫn chỉ bằng 70% so với cùng kỳ năm 2019 – năm chưa xảy ra dịch Covid-19.

Hình 9: Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng so với cùng kỳ năm trước (Nghìn tỷ USD)



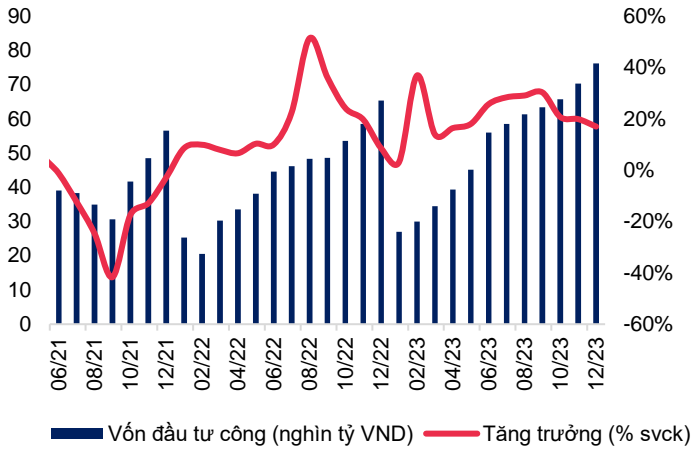
Nguồn: TCTK, MBS Research

Vốn FDI đăng ký mới bật tăng mạnh trong tháng, giải ngân vốn FDI cả năm cao kỷ lục

Tháng 12, vốn đăng ký cấp mới tăng gấp 3 lần so với cùng kỳ năm trước về số vốn đăng ký, trong khi vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giải ngân tăng 10% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 12 tháng năm 2023 ước đạt 23.1 tỷ USD, tăng 3.5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 19 tỷ USD (chiếm 82.3% tổng vốn đầu tư), sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 1.3 tỷ USD (chiếm 5.9%), hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 1.1 tỷ USD, (chiếm 4.9%). Đặc biệt, dự án FDI nổi bật trong tháng 12 bao gồm Nhà đầu tư Radiant Opto-Electronics Corporation đến từ Đài Loan - Trung Quốc vừa được tỉnh Nghệ An trao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án nhà máy sản xuất linh kiện điện tử với tổng mức đầu tư 120 triệu USD

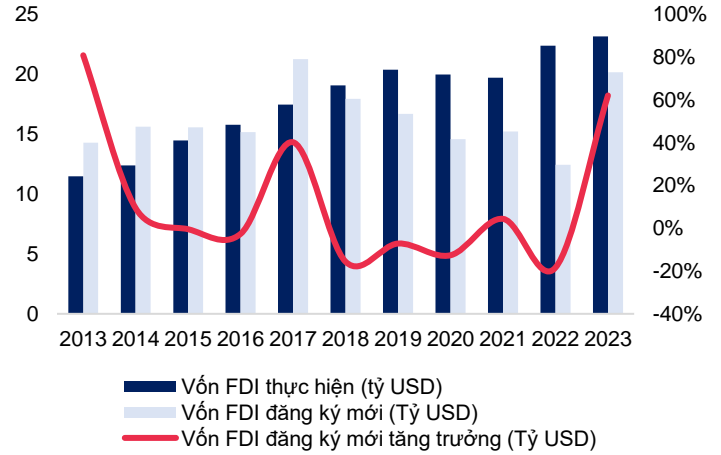
Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 12 ước đạt 76.2 nghìn tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 12 tháng đầu năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt hơn 625.3 nghìn tỷ đồng, bằng 85.3% kế hoạch năm và tăng 21.2% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 10: Tăng trưởng đầu tư công



Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 11: Tăng trưởng vốn đầu tư FDI tại Việt Nam



Nguồn: TCTK, MBS Research

Mặc dù áp lực lạm phát hạ nhiệt trong năm 2023 song vẫn là thách thức cho năm 2024

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2023 tăng 0.1% so với tháng trước và 3.5% so với cùng kỳ năm trước (tháng 12/2022 tăng 4.5% svck). Bình quân cả năm 2023, CPI tăng 3.2% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4.2%, lạm phát hoàn toàn trong tầm kiểm soát dưới kế hoạch mục tiêu đề ra là 4.5%.

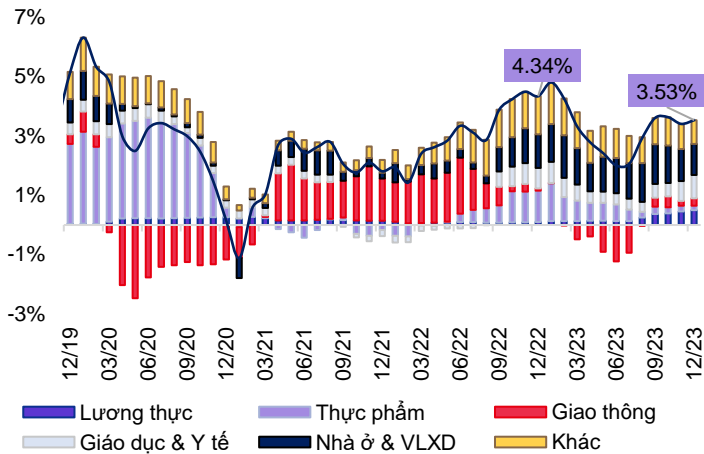
Giá vật liệu xây dựng và giá nhà ở thuê vẫn là nguyên nhân chính đẩy chỉ số CPI tháng 12 tăng so với cùng kỳ (+5.6% svck). Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2.9% svck do tác động của nhóm lương thực tăng 14.6% chủ yếu là do chỉ số ăn uống ngoài gia đình tăng cao vào tháng cuối cùng của năm. Ngoài ra, việc tăng học phí tại một số địa phương đẩy chỉ số nhóm giáo dục tăng cao 8.6% svck và nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 5.5% do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh đã góp phần đẩy chỉ số giá tiêu dùng trong tháng so với cùng kỳ.

Giá xi măng, cát tăng theo giá nguyên liệu vật liệu đầu vào cùng với giá thuê nhà tăng cao đã đẩy chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng bình quân tăng 6.5% svck tiếp tục tác động lớn đến CPI chung của cả năm. Chỉ số giá nhóm thực phẩm tăng 2.3%, chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng tăng trong các dịp Lễ, Tết, trong các tháng đầu và cuối năm kéo CPI bình quân của năm tăng. Ngược lại, bình quân giá xăng dầu trong nước cả năm giảm 11% svck theo biến động của giá thế giới, giá gas cũng giảm 6.9% là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI bình quân.

Chúng tôi dự kiến CPI bình quân 2024 sẽ dao động ở mức 3.5% - 3.6%, mức lạm phát vẫn duy trì nằm trong kế hoạch đề ra của chính phủ là 4%-4.5% do cầu trong nước vẫn còn thấp. Tuy nhiên, lạm phát trong năm sau sẽ chịu rủi ro bởi các yếu tố sau đây: Thứ nhất, giá thép xây dựng nội địa sẽ phục hồi lên mức 15 triệu VND/tấn (+8% svck) trong năm 2024 nhờ đà tăng giá thép thế giới và nhu cầu ấm lên ở thị trường Việt Nam. Thứ hai, nhu cầu sử dụng điện tăng cùng với việc EVN điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân hai lần trong năm 2023 sẽ tác động đến các hàng hóa, sản phẩm và các dịch vụ liên đới và đẩy chi tiêu hàng ngày vọt lên. Thứ ba, chỉ số giá lương thực có xu hướng tăng do giá nhóm gạo sẽ tăng trong bối cảnh nhu cầu tại các thị trường châu Á và châu Phi tăng lên. Ngoài ra, giá dầu cũng là một yếu tố đáng chú ý trong năm sau

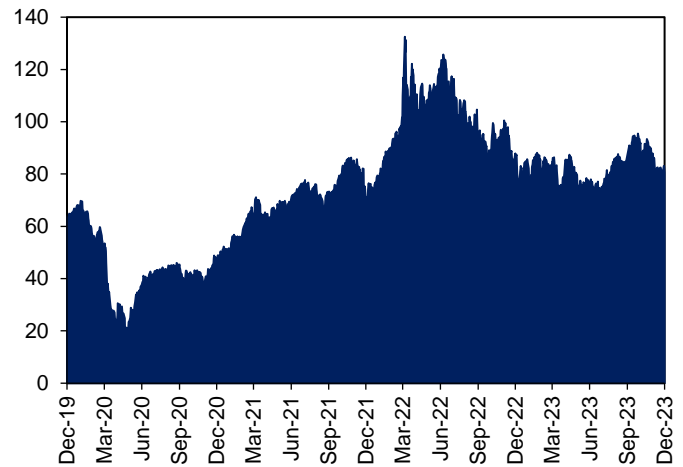
trong bối cảnh các xung đột quốc tế có thể kéo dài tuy nhiên triển vọng vẫn chưa quá rõ ràng và dự kiến vẫn sẽ duy trì khá ổn định quanh mức 83 - 85 USD/thùng do các nỗ lực cắt giảm nguồn cung từ OPEC+..

Hình 12: Đóng góp của các nhóm hàng vào tăng trưởng CPI (%)



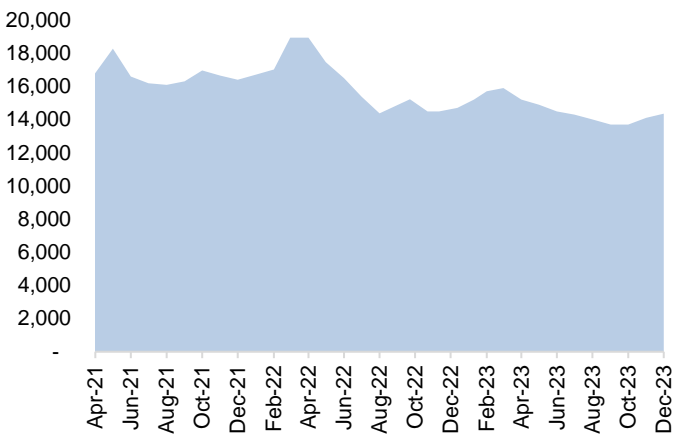
Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 13: Giá dầu Brent (USD/thùng)



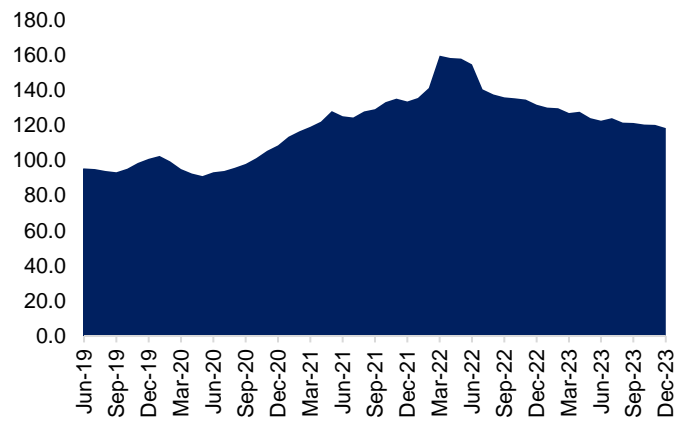
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hình 14: Giá thép (Triệu VND/tấn)



Nguồn: MBS Research

Hình 15: Chỉ số giá thực phẩm FAO



Nguồn: FAO, MBS Research

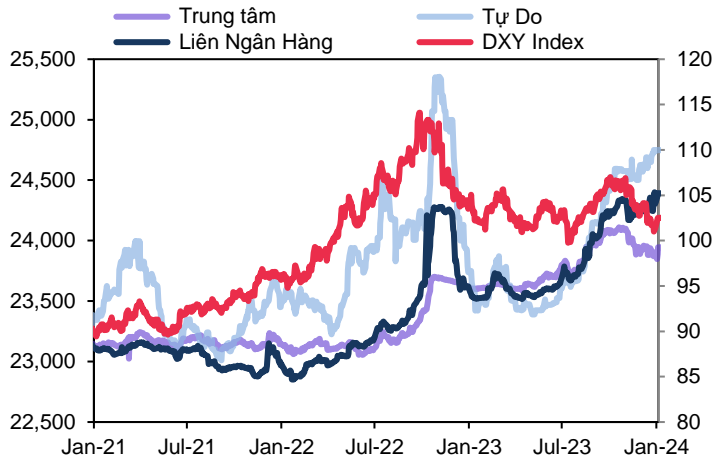
Tỷ giá USD/VND vẫn duy trì xu hướng tăng song chúng tôi cho rằng sẽ sớm hạ nhiệt

Tỷ giá tại thị trường tự do chưa thấy dấu hiệu giảm tốc và tiếp tục diễn biến xu hướng tăng kể từ tháng 5 năm 2023. Tỷ giá tự do trong nước đang giao dịch ở mức 24,750 tại phiên gần nhất, tăng 4.3% so với đầu năm. Đồng thời, tỷ giá liên ngân hàng đang nhích lên do chịu tác động bởi giá USD thế giới và hiện đang giao dịch tại 24,393 VND/USD, tăng 3.5% so với đầu năm.

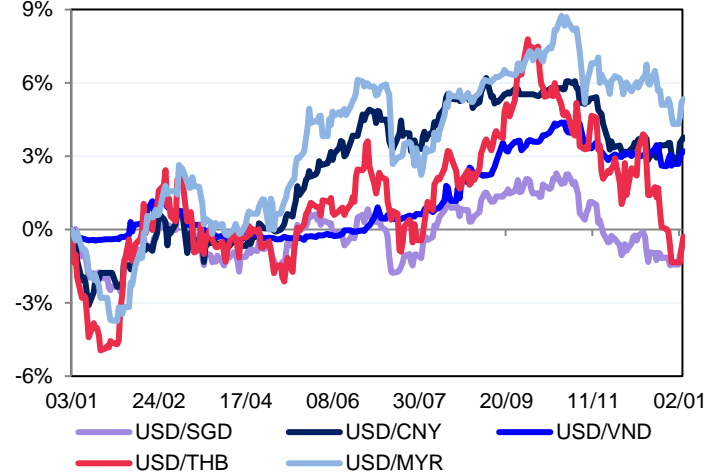
Đồng USD bật tăng lên mức 102.5, đồng USD lên mức cao nhất trong hai tuần khi dữ liệu thị trường lao động Mỹ tốt hơn mong đợi, làm giảm kỳ vọng về việc Fed sẽ cắt giảm lãi suất nhiều lần trong năm nay. Đồng bạc xanh cũng phục hồi theo lãi suất trái phiếu kho bạc, khi kỳ hạn 10 năm lần đầu tiên đạt 4% sau hai tuần.

Bước sang năm 2024, trong bối cảnh lạm phát của Mỹ cải thiện đồng nghĩa với việc tăng khả năng rằng Fed sẽ bắt đầu cắt giảm lãi suất sớm hơn dự kiến.

Chính sách tiền tệ toàn cầu bắt đầu nới lỏng, đồng đô la Mỹ có xu hướng mất giá trên diện rộng và sẽ giảm áp lực lên tỷ giá trong nước. Chúng tôi cho rằng, tỷ giá năm 2024 sẽ dao động trong vùng 23,800 – 24,300 VND/USD và vẫn tiếp tục sẽ được hỗ trợ bởi các yếu tố bao gồm thặng dư thương mại tuy nhiên sẽ có thể không còn tốt như bây giờ khi xuất nhập khẩu sẽ phục hồi, giải ngân FDI tích cực, lượng kiều hối ổn định (IMF dự báo lượng kiều hối trong năm 2024 lên hơn 110 tỷ USD), du lịch quốc tế hồi phục mạnh,...

Hình 16: Tỷ giá VND/USD


Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hình 17: Diễn biến tỷ giá một số đồng tiền so với USD


Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thông kê các chỉ tiêu kinh tế & dự báo 2023 - 2024

Các chỉ tiêu kinh tế	2018	2019	2020	2021	2022	2023F	2024F
1. GDP, dân số và thu nhập							
GDP Danh Nghĩa (tỷ USD)	281.3	310.1	334.3	346.6	366.1	430	485-500
Tăng trưởng GDP (%)	7.08	7.02	2.91	2.58	8.02	5.05	5.9-6.1
Xuất khẩu hàng hóa (% yoy)	13.8	8.1	6.5	19	10.6	-4.4	6.0-7.0
Nhập khẩu hàng hóa (% yoy)	11.5	7	3.6	26.5	8.4	-8.9	9.0-10.0
Dân số (triệu người)	95.5	96.4	97.7	98.5	99.3	100.3	101.5
GDP/đầu người (USD)	2,992	3,267	3,491	3,586	3,756	4,163	4,869
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2.33	2.33	2.2	2.2	2.2	2.9	2.3
2. Chỉ số tài khóa (%GDP)							
Nợ chính phủ	49.9	49.2	51.5	39.1	34.7	36.1	37
Nợ công	55	55.9	43.1	38	39.5	35.7	39
Nợ nước ngoài	46	47.1	47.9	38.4	36.8	37.2	38
3. Các chỉ số tài chính							
Tỷ giá USD/VND	23,180	23,228	23,115	23,145	23,612	24,353	23,800-24,300
Lạm phát (%)	3.5	2.8	3.2	1.8	3.15	3.25	3.5-3.6
Tăng trưởng tín dụng (%)	17.1	18.7	18.2	13.9	12.1	11	13.0-14.0
Trung bình lãi suất tiền gửi 12 tháng	7	7.2	6.8	5.8	8.5	5.6	5.25-5.5
Cán cân thương mại (tỷ USD)	7.2	9.9	19.1	4	11.2	22	12.0-15.0
Hàng hóa: Xuất khẩu (tỷ USD)	244	263	281	336	371	340	366
Hàng hóa: Nhập khẩu (tỷ USD)	237	253	262	332	360	322	354
Tổng dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	55	78	94	109	86	95	110.5

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
NẮM GIỮ	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Lê Minh Anh

Lê Ngọc Hưng

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Luyện

Đỗ Lan Phương

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Công nghiệp – Năng Lượng

Nguyễn Hà Đức Tùng

Phạm Thị Thanh Huyền

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly